

# NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BIỂN VIỆT NAM VÀ TÌNH HÌNH BIỂN, ĐẢO CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY

## I. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BIỂN VIỆT NAM

### 1. Quá trình xây dựng và thông qua Luật Biển Việt Nam

#### a. Sự cần thiết xây dựng Luật Biển Việt Nam

Việt Nam là quốc gia ven biển với bờ biển dài trên 3.200km và hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ khác nhau; kinh tế biển và các ngành liên quan đến biển đóng góp lớn vào nền kinh tế đất nước. Từ khi tham gia Công ước Luật Biển năm 1982, Nhà nước ta sử dụng các nguyên tắc và quy phạm của văn kiện pháp lý quốc tế này để quản lý và bảo vệ biển, đảo của ta

Các nước ven biển khác, kể cả các nước ven Biển Đông, đều có các Luật về lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình. Việt Nam cũng cần có Luật về biển của mình, nhưng cho đến nay mới chỉ có các quy phạm dưới Luật. Việc ban hành Luật Biển Việt Nam vì thế là nhu cầu tất yếu, khách quan.

#### b. Mục đích của việc thông qua Luật Biển Việt Nam:

Để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý của nước ta, phục vụ cho việc sử dụng, quản lý, bảo vệ các vùng biển, đảo và phát triển kinh tế biển của Việt Nam, làm cho quy phạm pháp luật của ta hài hòa với quy định của Công ước Luật Biển năm 1982, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế và tăng cường hợp tác với các nước, vì hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế giới.

#### c. Quá trình xây dựng Luật Biển Việt Nam

Năm 1982 nước ta chính thức ký Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển (gọi tắt là Công ước Luật Biển năm 1982). Năm 1994, Quốc hội nước ta thông qua Nghị quyết về việc phê chuẩn Công ước Luật Biển năm 1982. Năm 1998, Quốc hội khoá X đưa việc xây dựng Luật Biển Việt Nam vào Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội. Chính phủ giao Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp với các Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Luật. Trong quá trình xây dựng Luật Biển Việt Nam, chúng ta xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng của Việt Nam, căn cứ vào Hiến pháp năm 1992, chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, Công ước Luật Biển năm 1982, các quy định của ta; tham khảo Luật về biển của các nước ven Biển Đông cũng như ở các khu vực khác.

Luật Biển Việt Nam được chuẩn bị kỹ lưỡng trong 14 năm. Tháng 12-2011, kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá XIII đã thảo luận và cho ý kiến đối với các nội dung quan trọng của dự thảo Luật. Quốc hội cơ bản nhất trí với Dự thảo, nhưng còn một số điểm cần hoàn thiện thêm nên để đến kỳ họp thứ 3 xem xét thông qua.

Thực hiện chỉ đạo đó, trong mấy tháng đầu năm 2012, các cơ quan của Quốc hội đã khẩn trương phối hợp với cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các đại biểu Quốc hội. Tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội đã thông qua Luật Biển Việt Nam với số phiếu tán thành cao tỉ lệ 99,8%.

## 2. Nội dung cơ bản của Luật Biển Việt Nam

### a. Chương I: Những quy định chung

Phạm vi điều chỉnh của Luật gồm đường cơ sở, nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong các vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển, quản lý và bảo vệ biển, đảo.

Về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa: Nghị quyết năm 1994 của Quốc hội về việc phê chuẩn Công ước Luật Biển năm 1982 và Luật Biên giới quốc gia năm 2003 đều đề cập đến hai quần đảo này. Do đó, Luật Biển Việt Nam không thể không đề cập đến quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việc khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong Luật là sự tiếp nối các quy định đã có, thể hiện lập trường nhất quán của Việt Nam trong vấn đề này.

Về nguyên tắc và chính sách quản lý, bảo vệ biển: Luật Biển Việt Nam nêu rõ quản lý và bảo vệ biển được thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp Hiến chương Liên hợp quốc và các hiệp định, thỏa thuận quốc tế khác mà nước ta tham gia. Nhà nước phát huy sức mạnh toàn dân tộc và thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ chủ quyền biển, đảo của nước ta, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, phát triển kinh tế biển. Mọi cơ quan, tổ chức và công dân có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bảo vệ tài nguyên và môi trường biển. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào việc sử dụng, khai thác, phát triển kinh tế biển. Nhà nước khuyến khích và bảo hộ hoạt động của ngư dân trên các vùng biển; đầu tư bảo đảm hoạt động của các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển v.v..

Về đối ngoại: Luật Biển Việt Nam quy định chủ trương của Nhà nước Việt Nam giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước láng giềng bằng các biện pháp hoà bình, phù hợp với Công ước Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế. Nhà nước ta đầy mạnh hợp tác quốc tế về biển với các

nước, các tổ chức quốc tế và khu vực, trong đó nêu nhiều lĩnh vực hợp tác cụ thể về biển và đại dương. Nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định khác so với các quy định của Luật thì áp dụng các quy định của các điều ước quốc tế đó.

Về cơ chế quản lý biển: Luật Biển Việt Nam quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biển trong phạm vi cả nước; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về biển.

### **b. Chương II: Vùng biển Việt Nam**

Về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải nước ta: Luật Biển Việt Nam quy định đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là đường cơ sở thẳng đã được Chính phủ công bố. Hiện nay nước ta đã có đường cơ sở từ đảo Cồn Cỏ đến đảo Thủ Chu vận dụng theo phương pháp đường cơ sở thẳng mà Công ước Luật Biển năm 1982 quy định. Một số khu vực khác hiện nay chưa có đường cơ sở như Vịnh Bắc Bộ và các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì Chính phủ sẽ xác định và công bố sau khi được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Về nội thủy và lãnh hải Việt Nam: Nội thủy nằm giữa bờ biển và đường cơ sở, còn lãnh hải nằm bên ngoài đường cơ sở. Lãnh hải rộng 12 hải lý (mỗi hải lý bằng 1852m). Ta có chủ quyền tuyệt đối với nội thủy. Đối với vùng lãnh hải ta cũng có chủ quyền, nhưng tàu thuyền của các nước có quyền đi qua không gây hại. Ta có chủ quyền tuyệt đối đối với vùng trời ở trên lãnh hải, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải. Ranh giới bên ngoài của lãnh hải chính là đường biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

Về vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa: Ta có quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Vùng đặc quyền kinh tế của nước ta rộng 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải. Thềm lục địa của nước ta có chiều rộng tối thiểu 200 hải lý và mở rộng đến 350 hải lý kể từ đường cơ sở theo các điều kiện mà Công ước Luật Biển năm 1982 quy định (năm 2009, nước ta đã gửi 2 Báo cáo về ranh giới thềm lục địa của VN ngoài phạm vi 200 hải lý ở hai khu vực cho Ủy ban Ranh giới thềm lục địa của Liên hợp quốc xem xét).

Luật Biển Việt Nam quy định tàu thuyền của các nước được đi qua không gây hại trong lãnh hải nước ta. Tàu quân sự nước ngoài thông báo trước khi thực hiện quyền này. Luật cũng quy định quyền tự do hàng hải, quyền tự do hàng không, quyền đặt dây cáp, ống dẫn ngầm và hoạt động sử dụng biển hợp pháp của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam, cũng như quyền lắp

đặt dây cáp, ống dẫn ngầm trên thềm lục địa Việt Nam. Các quyền này được thực hiện theo đúng các quy định của Công ước Luật Biển năm 1982.

Về quy chế các đảo, quần đảo của Việt Nam: Luật Biển Việt Nam khẳng định Nhà nước ta thực hiện chủ quyền trên các đảo, quần đảo Việt Nam. Phù hợp với Điều 121 của Công ước Luật Biển năm 1982, Luật Biển Việt Nam quy định đảo thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì có nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; còn đảo đá không thích hợp cho đời sống con người hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì không có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

#### **c. Chương III: Hoạt động trong vùng biển Việt Nam**

Luật Biển Việt Nam quy định rõ những hành vi mà tàu thuyền nước ngoài không được làm khi đi qua lãnh hải nước ta: đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia khác; thực hiện các hành vi trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế được quy định trong Hiến chương LHQ; luyện tập hay diễn tập với bất kỳ kiều, loại vũ khí nào, dưới bất kỳ hình thức nào; thu thập thông tin gây thiệt hại cho quốc phòng, an ninh của Việt Nam; tuyên truyền nhằm gây hại đến quốc phòng, an ninh của Việt Nam; gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường biển; đánh bắt hải sản trái phép; nghiên cứu, điều tra, thăm dò trái phép v.v...

Chính phủ quy định công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải, khi cần thiết lập vùng cấm tạm thời hoặc vùng hạn chế hoạt động trong lãnh hải Việt Nam. Luật cũng quy định về tìm kiếm, cứu nạn và cứu hộ, về giữ gìn bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, về nghiên cứu khoa học biển; đồng thời nêu cụ thể những hành vi bị cấm như cấm đe dọa chủ quyền, quốc phòng, an ninh Việt Nam; khai thác tài nguyên, lắp đặt sử dụng thiết bị công trình, khoan đào, nghiên cứu khoa học một cách trái phép; tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí chất nổ, chất độc hại, cấm mua bán người, hoạt động cướp biển, phát sóng trái phép.

#### **d. Chương IV: Phát triển kinh tế biển**

Luật Biển Việt Nam quy định phát triển kinh tế biển: phục vụ xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; gắn với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn trên biển; phù hợp với yêu cầu quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; gắn với phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương ven biển và hải đảo.

Luật quy định Nhà nước ưu tiên tập trung phát triển các ngành kinh tế biển: tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu, khí và các loại tài nguyên, khoáng sản

Nam  
10/6/2013  
46 25 27  
45 44 43  
biển; vận tải biển, cảng biển, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, phương tiện đi biển và các dịch vụ hàng hải khác; du lịch biển và kinh tế đảo; khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản; phát triển, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ về khai thác và phát triển kinh tế biển; xây dựng và phát triển nguồn nhân lực biển.

#### e. Chương V: Tuần tra, kiểm soát trên biển

Luật Biển Việt Nam quy định các lực lượng có thẩm quyền tuần tra, kiểm soát trên biển gồm các lực lượng của quân đội nhân dân, công an nhân dân và các lực lượng tuần tra, kiểm soát chuyên ngành khác.

- Luật quy định các lực lượng này hoạt động theo nhiệm vụ được quy định cụ thể trong luật pháp Việt Nam và được trang bị cờ, sắc phục, phù hiệu có dấu hiệu đặc trưng. Khi cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền sẽ huy động sự tham gia của các lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng bảo vệ của các cơ quan.

#### g. Chương VI: Xử lý vi phạm (4 điều)

Quy định về dẫn giải và địa điểm xử lý vi phạm; biện pháp bảo đảm tố tụng, xử lý vi phạm, biện pháp đối với đối tượng là người nước ngoài nhằm đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, đúng pháp luật giữa các cơ quan có trách nhiệm xử lý vi phạm Luật Biển Việt Nam. Đặc biệt khi tạm giữ, tạm giam tàu và thuyền nước ngoài phải thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao để phối hợp xử lý.

#### h. Chương VII: Điều khoản thi hành (2 điều)

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

#### 3. Ý nghĩa của việc thông qua Luật Biển

Việc thông qua Luật Biển Việt Nam là một hoạt động lập pháp quan trọng nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan biển, đảo nước ta. Lần đầu tiên nước ta có một văn bản Luật quy định đầy đủ chế độ pháp lý các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam theo đúng Công ước Luật Biển năm 1982, làm cơ sở pháp lý quan trọng cho việc quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo nước ta.

Việc Luật Biển Việt Nam khẳng định chủ trương giải quyết các tranh chấp biển, đảo với các nước bằng các biện pháp hòa bình đã chuyển thông điệp quan trọng của ta đến toàn thế giới: Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có Công ước Luật Biển năm 1982, quyết tâm phấn đấu vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và trên thế giới.

## **II. TÌNH HÌNH BIỂN, ĐẢO CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY**

Việt Nam là một nước ven biển với bờ biển dài hơn 3260km và hàng nghìn hòn đảo lớn nhỏ khác nhau. Năm 1994 Việt Nam tham gia Công ước Luật Biển năm 1982. Năm 2002 Việt Nam tham gia ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc (Tuyên bố DOC 2002).

### **1. Các vùng biển của Việt Nam theo pháp luật quốc tế**

Phù hợp với pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước Luật Biển năm 1982, Nhà nước ta đã ban hành các quy định cụ thể về các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam như nội thuỷ, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, các đảo, quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như vấn đề phát triển kinh tế biển, quản lý và bảo vệ biển, đảo. Pháp luật về biển Việt Nam xác định rõ quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam. Theo luật biển quốc tế hiện đại, phạm vi các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đều được tính từ đường cơ sở. Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng của các vùng biển của nước ta được xác định trong Tuyên bố năm 1982 của Chính phủ.

*Một là*, nội thủy của Việt Nam là vùng nước tiếp giáp với bờ biển ở phía trong đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của nước ta. Trong vùng nội thuỷ của ta, Nhà nước thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền.

*Hai là*, lãnh hải của Việt Nam là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Nhà nước ta thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải đối với vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải phù hợp với Công ước Luật Biển năm 1982.

Tàu bay nước ngoài chỉ được phép vào vùng trời ở trên lãnh hải nước ta khi được sự đồng ý của Chính phủ nước ta hoặc theo các điều ước quốc tế mà nước ta tham gia. Tàu thuyền nước ngoài được hưởng quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam. Khi đi qua lãnh hải nước ta, tàu thuyền nước ngoài không được làm phuơng hại đến hòa bình, quốc phòng, an ninh của Việt Nam, trật tự an toàn trên biển. Việc đi qua của tàu thuyền nước ngoài trong lãnh hải Việt Nam bị coi là gây phuơng hại đến hòa bình, quốc phòng, an ninh của Việt Nam, trật tự an toàn xã hội nếu tàu thuyền đó tiến hành bất kỳ một hành vi nào sau đây:

- a) Đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam;

b) Đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia khác; thực hiện các hành vi trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế đã được nêu trong Hiến chương Liên hợp quốc;

c) Luyện tập hay diễn tập với bất kỳ kiểu, loại vũ khí nào, dưới bất kỳ hình thức nào;

d) Thu thập thông tin gây thiệt hại cho quốc phòng, an ninh của ta;

đ) Tuyên truyền nhằm gây hại đến quốc phòng, an ninh của ta;

e) Phóng đi, tiếp nhận hay xếp phương tiện bay lên tàu thuyền ;

g) Phóng đi, tiếp nhận hay xếp phương tiện quân sự lên tàu thuyền ;

h) Bốc, dỡ hàng hóa, tiền bạc hay đưa người lên xuống tàu thuyền trái với các quy định pháp luật của ta về hải quan, thuế, y tế hoặc xuất nhập cảnh;

i) Cố ý gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường biển;

k) Đánh bắt hải sản trái phép;

l) Nghiên cứu, điều tra, thăm dò trái phép;

m) Làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thông tin liên lạc hoặc của thiết bị hay công trình khác của Việt Nam;

n) Tiến hành hoạt động khác không trực tiếp liên quan đến việc đi qua.

Nhà nước ta có quyền ban hành các quy định để kiểm soát và giám sát tàu thuyền nước ngoài thực hiện việc đi qua trong lãnh hải của mình trong các vấn đề như an toàn hàng hải, điều phối giao thông đường biển; bảo vệ các thiết bị, công trình, hệ thống đảm bảo hàng hải; bảo vệ tuyến dây cáp và ống dẫn ở biển; bảo tồn tài nguyên sinh vật biển; ngăn ngừa vi phạm pháp luật của quốc gia ven biển liên quan đến đánh bắt hải sản; bảo vệ môi trường biển; nghiên cứu khoa học biển; và ngăn ngừa các vi phạm về hải quan, thuế khóa, xuất, nhập cảnh, y tế cũng như quy định hành lang để tàu thuyền đi qua.

*Ba là*, vùng tiếp giáp lãnh hải của Việt Nam là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải. Nhà nước Việt Nam thực hiện kiểm soát cần thiết trong vùng tiếp giáp lãnh hải nhằm ngăn ngừa và trừng trị các hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải nước ta.

*Bốn là*, vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam là vùng biển nằm ngoài lãnh hải và có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính lãnh hải của nước ta. Nhà nước ta có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò, khai thác, quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và về các hoạt động khác nhằm thăm dò, khai thác vùng đặc quyền kinh tế. Nhà nước ta cũng có quyền tài phán đối với việc lấp đặt

và sử dụng đảo nhân tạo, thiết bị và công trình; nghiên cứu khoa học biển; bảo vệ và giữ gìn môi trường biển. Việt Nam tôn trọng quyền tự do hàng hải, tự do hàng không ở vùng trời trên vùng đặc quyền kinh tế của mình.

Năm là, thềm lục địa của Việt Nam là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển bên ngoài lãnh hải của nước ta cho đến mép ngoài của rìa lục địa. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa chưa đến 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa vượt quá 200 hải lý thì thềm lục địa nơi đó được kéo dài đến 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc 100 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2500m (tức là đường nối liền các điểm có độ sâu 2500m). Năm 2009 Nhà nước ta đã trình lên Liên hợp quốc 2 báo cáo quốc gia xác định thềm lục địa ngoài 200 hải lý. Báo cáo phía Bắc ta tự khảo sát, xây dựng. Báo cáo khu vực phía Nam Biển Đông ta và Ma-lai-xi-a phối hợp xây dựng và cùng trình.

Phù hợp với Công ước Luật Biển năm 1982, pháp luật về biển của nước ta khẳng định Nhà nước ta có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên ở thềm lục địa và không ai có quyền tiến hành hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên thềm lục địa nước ta nếu không được sự đồng ý của Chính phủ.

## **2. Tình hình phân định ranh giới biển giữa nước ta với các nước láng giềng**

### **a) Phân định vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa nước ta và Thái Lan trong Vịnh Thái Lan.**

Từ năm 1992 đến năm 1997 ta và Thái Lan tiến hành 09 vòng đàm phán phân định vùng biển chung lần giữa hai nước. Ngày 9/8/1997, tại Băng-cốc, đại diện Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đại diện Chính phủ Vương quốc Thái Lan đã ký Hiệp định phân định ranh giới trên biển giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan.

### **b) Phân định ranh giới lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa với Trung Quốc trong Vịnh Bắc Bộ**

Liên quan vấn đề Vịnh Bắc Bộ, Thỏa thuận về các nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề biên giới, lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày 19-10-1993 nêu rõ “*Hai bên sẽ áp dụng luật pháp quốc tế và tham khảo thực tiễn quốc tế, theo nguyên tắc công bằng và tính đến mọi hoàn cảnh hữu quan trong Vịnh để đi đến một giải pháp công bằng*”.

Từ năm 1992 đến năm 2000, ta và Trung Quốc tổ chức 10 vòng đàm phán chính thức và không chính thức ở cấp Đoàn đàm phán Chính phủ, 18 vòng đàm phán cấp Nhóm công tác liên hợp cấp chuyên viên, 08 vòng đàm phán cấp Tổ

chuyên viên liên hợp không chính thức và 10 vòng đàm phán của Tổ chuyên gia đo vẽ phục vụ phân định.

Ngày 25/12/2000, hai nước đã ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa Việt Nam và Trung Quốc trong Vịnh Bắc Bộ. Hai bên cam kết tôn trọng chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của mỗi bên đối với lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong Vịnh Bắc Bộ.

*c) Phân định ranh giới thềm lục địa với In-đô-nê-xia*

Từ tháng 6/1978 đến 2003 Việt Nam và In-đô-nê-xia tiến hành 02 vòng đàm phán cấp Chính phủ, 22 vòng đàm phán cấp chuyên viên và 04 cuộc họp hẹp giữa hai Trưởng đoàn cấp chuyên viên. Ngày 26/6/2003, đại diện Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa In-đô-nê-xia đã ký Hiệp định phân định phân định thềm lục địa giữa hai nước.

*d) Các thoả thuận quá độ với Ma-lai-xi-a, Căm-pu-chia liên quan biển, đảo*

*- Thỏa thuận hợp tác khai thác chung thềm lục địa ch่อง lấn với Ma-lai-xia*

Việt Nam và Ma-lai-xia có vùng thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế ch่อง lấn. Diện tích vùng ch่อง lấn không lớn, nhưng có tiềm năng về dầu khí. Ngày 05/6/1992 Chính phủ hai nước ký Thỏa thuận hợp tác thăm dò khai thác chung vùng ch่อง lấn (MOU) như là giải pháp tạm thời trong khi chưa phân định dứt điểm ranh giới. Các nguyên tắc hợp tác: chia sẻ đồng đều chi phí và phân chia công bằng lợi nhuận; hoạt động thăm dò khai thác dầu khí do Petrovietnam và Petronas thực hiện trên cơ sở các dàn xếp thương mại. Thời gian qua, hai công ty dầu khí hai nước đã triển khai ký kết các dàn xếp thương mại. Sau này, Việt Nam và Ma-lai-xia sẽ phân định dứt điểm ranh giới vùng ch่อง lấn này.

*- Hiệp định về vùng nước lịch sử với Căm-pu-chia*

Việt Nam và Căm-pu-chia cần phải phân định ranh giới lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan. Năm 1982 hai nước ký Hiệp định về vùng nước lịch sử giữa hai nước với các nội dung chính là: hai bên thỏa thuận sẽ cùng tiến hành tuần tiễu, kiểm soát trong vùng nước lịch sử, việc đánh bắt hải sản của nhân dân địa phương hai nước trong vùng biển này vẫn theo tập quán làm ăn từ trước tới nay, còn việc khai thác tài nguyên thiên nhiên khác do hai bên cùng nhau thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận không bên nào được đơn phương tiến hành. Theo Hiệp ước năm 1983 về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa Việt Nam và Căm-pu-chia, vào thời gian thích hợp ta và Căm-pu-chia sẽ thương lượng để phân định ranh giới biển giữa hai nước trong vùng biển này theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Năm 1975, Nhà nước ta đã tiếp quản các đảo do quân đội chính quyền Sài Gòn đóng giữ ở quần đảo Trường Sa là đảo Trường Sa, Sơn Ca, Nam Yết, Song Tử Tây, Sinh Tồn và An Bang. Từ đó đến nay, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng, khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam.

Về quản lý hành chính, năm 1982, Chính phủ đã quyết định thành lập huyện đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Đồng Nai và huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, hiện nay, huyện Hoàng Sa trực thuộc thành phố Đà Nẵng và huyện Trường Sa trực thuộc tỉnh Khánh Hòa. Tháng 4/2007, để hoạt động quản lý hành chính hiệu quả hơn, Chính phủ đã quyết định thành lập thị trấn Trường Sa thuộc huyện Trường Sa và hai xã Song Tử Tây và Sinh Tồn.

b) Hiện nay tình hình liên quan đến 2 quần đảo rất phức tạp. Một số nước ven Biển Đông cũng nêu yêu sách chủ quyền đối với hai quần đảo, dẫn đến hình thành tranh chấp song phương giữa ta và Trung Quốc về quần đảo Hoàng Sa và tranh chấp đa phương đối với quần đảo Trường Sa. Các tranh chấp chủ quyền đối với 2 quần đảo phức tạp, nên quá trình để tìm giải pháp cho các tranh chấp này sẽ lâu dài. Trong bối cảnh đó và nhằm tạo điều kiện cho việc duy trì hoà bình và ổn định ở Biển Đông, vào năm 2002 ASEAN và Trung Quốc đã ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông.

Nhà nước ta chủ trương và ủng hộ nỗ lực giải quyết các tranh chấp về chủ quyền đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng các biện pháp hoà bình theo Hiến chương Liên hợp quốc, Công ước Luật Biển năm 1982 và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế. Những vấn đề liên quan đến 2 nước thì giải quyết song phương, những vấn đề liên quan đến nhiều nước thì giải quyết giữa các bên liên quan. Điều này đã được ghi nhận trong Thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc trong tháng 10/2011. Tranh chấp đa phương về Trường Sa thì giải quyết đa phương. Trong quá trình tìm kiếm giải pháp cho các tranh chấp các bên phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ các cam kết theo Tuyên bố DOC năm 2002, tăng cường nỗ lực để xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở Biển Đông/.